

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHOÁ XI KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp;
Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
Thực hiện Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng bao gồm:

- a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;
- b) Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện và công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã);
- c) Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;
- d) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố;
- đ) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Các đối tượng tại điểm a, b, c, d Khoản này được gọi chung là cán bộ, công chức; các đối tượng tại điểm đ Khoản này gọi chung là viên chức.

Điều 2. Đối tượng không được áp dụng chế độ hỗ trợ

1. Cán bộ, công chức, viên chức không thuộc các nhóm đối tượng quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này.

2. Cán bộ, công chức, viên chức có nguyện vọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ so với trình độ theo nhu cầu tuyển dụng của cơ quan, đơn vị từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học hoặc trung cấp lên trình độ cao đẳng, đại học để nâng cao hiệu quả công tác; tuy nhiên để khuyến khích, cơ

quan, đơn vị nơi cá nhân đang công tác có thể xem xét, tạo điều kiện về thời gian cho đi đào tạo, bồi dưỡng.

3. Cán bộ, công chức, viên chức đã được cơ quan có thẩm quyền cử và áp dụng chế độ hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết này phải đi học và thi lại do chưa được công nhận tốt nghiệp sau khi kết thúc chương trình đào tạo vì nguyên nhân chủ quan; không tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

4. Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng và được hỗ trợ kinh phí theo chương trình học bổng; chương trình của đề án, dự án; chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng chế độ hỗ trợ riêng theo quy định của pháp luật từ nguồn ngân sách hoặc từ các nguồn học bổng, tài trợ.

Điều 3. Nội dung và mức chi

1. Chi đào tạo cán bộ, công chức, viên chức:

a) Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo: được thanh toán 100% theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

b) Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: được thanh toán theo chứng từ thực tế nhưng không quá:

- 900.000 đồng/người/năm học đối với các trường hợp học sau đại học hoặc tương đương.

- 800.000 đồng/người/năm học đối với các trường hợp học đại học hoặc tương đương.

- 1.000.000 đồng/người/khóa học đối với các trường hợp học cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương.

- 500.000 đồng/người/khóa học đối với các trường hợp học trung cấp lý luận chính trị hoặc bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên cao cấp.

- 300.000 đồng/người/khóa học đối với các trường hợp học bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính.

- 150.000 đồng/người/khóa học đối với các trường hợp học bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên.

- 80.000 đồng/người/khóa học đối với các trường hợp bồi dưỡng ngắn hạn (dưới 01 tháng) hoặc bồi dưỡng khác, trường hợp học từ 2 khóa bồi dưỡng trở lên/năm (không bao gồm các khóa bồi dưỡng lớp trung cấp lý luận chính trị hoặc bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên chính và Chuyên viên) được thanh toán không quá 200.000 đồng/người.

c) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung:

- Ngoài tỉnh: 50.000 đồng/người/ngày, theo lịch học của cơ sở đào tạo, kể cả thứ bảy và chủ nhật.

- Trong tỉnh: cho những ngày thực học tại cơ sở đào tạo:

+ 20.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này

+ 30.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này.

d) Chi hỗ trợ đi lại từ cơ quan đến nơi học tập:

- Ngoài tỉnh: thanh toán theo hóa đơn tàu lửa, giá vé xe ô tô (xe khách); bao gồm lượt đi và về/khóa đào tạo, bồi dưỡng, lượt đi và về nghỉ lễ, nghỉ Tết trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng (nếu có).

- Trong tỉnh: 50.000 đồng/người/lượt đi và về nhưng không quá 200.000 đồng/người/khóa học, đợt học theo lịch tập trung của cơ sở đào tạo và chỉ áp dụng đối với trường hợp đăng ký thường trú ở địa bàn thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của cấp có thẩm quyền.

đ) Chi hỗ trợ thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ):

- Ngoài tỉnh: 90.000 đồng/người/ngày, theo lịch của cơ sở đào tạo, kể cả thứ bảy và chủ nhật.

- Trong tỉnh: 30.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với trường hợp được cấp có thẩm quyền cử đến học tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có khoảng cách đến nơi đăng ký thường trú của cá nhân xa hơn khoảng cách từ cơ quan, đơn vị công tác đến nơi đăng ký thường trú của cá nhân từ 30 km trở lên;

e) Chi hỗ trợ cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc: 500.000 đồng/tháng, nếu đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng thì được hỗ trợ thêm: 50.000 đồng/tháng bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức.

2. Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

a) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng trong nước (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng; một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học)

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp, tiến sĩ khoa học: 1.600.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chuyên viên cao cấp; Vụ trưởng, Phó vụ trưởng và chức danh tương đương thuộc Bộ, Vụ trưởng, Phó vụ trưởng và chức danh tương đương thuộc Tổng cục; phó giáo sư; tiến sĩ; giảng viên cao cấp và chức danh tương đương: 1.400.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là thủ trưởng, cấp phó các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, thạc sĩ, chuyên viên chính, giảng viên chính và các chức danh tương đương: 1.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức còn lại (ngoài các chức danh nêu trên): 600.000 đồng/người/buổi.

- Chi thù lao trợ giảng: 200.000 đồng/người/buổi (nếu có).

- Trường hợp Giảng viên, báo cáo viên thuộc đối tượng hưởng các mức chi khác nhau thì được hưởng một mức chi cao nhất theo quy định.

- Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện quy đổi thời gian ra giờ chuẩn theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi:

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

c) Chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng:

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn chương trình, giáo trình quyết định mức chi cho phù hợp với từng chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

d) Đối với giảng viên nước ngoài: Tùy theo mức độ cần thiết các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định việc mời giảng viên nước ngoài. Mức thù lao đối với giảng viên nước ngoài do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định trên cơ sở thỏa thuận tùy theo chất lượng giảng viên và bảo đảm phù hợp với khả năng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị.

đ) Phụ cấp tiền ăn, tiền phương tiện đi lại và tiền thuê chỗ nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên:

Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên (phải thuê ngoài): mức chi theo quy định hiện hành của Tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

e) Chi nước uống phục vụ lớp học: 10.000 đồng/người/ngày.

g) Các khoản hỗ trợ khuyến khích khác:

- 20.000.000 đồng/người tốt nghiệp Thạc sỹ, Chuyên khoa I hoặc tương đương;

- 30.000.000 đồng/người tốt nghiệp Tiến sỹ, Chuyên khoa II hoặc tương đương.

- 400.000 đồng/người/khóa học đối với trường hợp đi học lớp đào tạo tập trung từ đủ 01 năm trở lên tại các cơ sở đào tạo từ Huế trở ra.

- 300.000 đồng/người/khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoài tỉnh, nhưng không quá 450.000 đồng/người/năm đối với trường hợp học từ 2 khóa bồi dưỡng trở lên/năm); 200.000 đồng/người/khóa đào tạo, bồi dưỡng tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong tỉnh, nhưng không quá 300.000 đồng/người/năm đối với trường hợp học từ 2 khóa bồi dưỡng trở lên/năm (không thuộc địa bàn huyện hoặc thành phố nơi cá nhân cư trú) đối với cán bộ, công chức, viên chức là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số đang cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

h) Các nội dung chi và mức chi khác liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành của Trung ương và địa phương và Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của bộ trưởng bộ tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 4. Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn (dưới 01 tháng) trong hoặc ngoài tỉnh được hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị nơi cá nhân công tác; mức áp dụng theo chế độ hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết này hoặc theo quy định về chế độ công tác phí hiện hành, tùy theo khả năng cân đối nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

Riêng đối với cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố; trường hợp đơn vị không đảm bảo kinh phí thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp huyện được cân đối hỗ trợ từ nguồn kinh phí của địa phương.

Điều 5. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo các Chương trình, Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng khác thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức đóng góp, nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ; nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật. Giao UBND tỉnh quy định cụ thể

loại hình đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết cho HĐND tỉnh theo quy định.

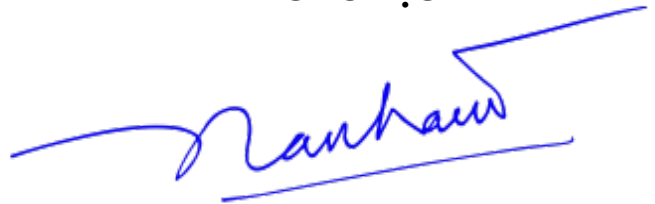
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 31/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu-UBTVQH;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế-Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, HĐND, UBND;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu